TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 101/2026/QĐST- DS	*Lâm Đồng, ngày 14 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 132/2026/TLST- DS ngày 09 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1).

Trụ sở chính: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D. Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V (V1).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T. Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm thu hồi nợ KHCN và XLN pháp lý – V1.

Người được uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng G. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ liên hệ: Số A T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Vợ chồng ông Phan Mai S, sinh năm 1989 và bà Lê Thị L, sinh năm 1986.

Trú tại: Thôn K, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Có bà Phan Mai Như N, sinh năm 1994 là đại diện ủy quyền tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 05/5/2026 tại Văn phòng C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vợ chồng ông Phan Mai S và bà Lê Thị L đồng ý có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V theo hợp đồng cho vay hạn mức số LN2410134006180 ngày 28/11/2024 và hợp đồng cho vay số LN2403222131568 ngày 27/3/2024 và khế ước nhận nợ ngày 28/11/2024, số tiền tạm tính đến ngày 06/5/2026 tổng cộng gốc và lãi là 8.376.811.387đồng. (Trong đó số tiền nợ gốc 7.754.615.999đồng, nợ lãi là 622.195.388đồng).

Kể từ ngày 07/5/2026 vợ chồng ông S, bà L phải tiếp tục thanh toán phần lãi phát sinh, lãi quá hạn theo lãi suất thỏa thuận quy định theo hợp đồng cho vay hạn mức số LN2410134006180 ngày 28/11/2024 và hợp đồng cho vay số LN2403222131568 ngày 27/3/2024 và khế ước nhận nợ ngày 28/11/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số LN2403222131568 ngày 27/03/2024 và Hợp đồng thế chấp số LN2410134006180 ngày 28/11/2024 đối với các tài sản thế chấp là: 01 xe ôtô nhãn hiệu: MG (MORRIS GARAGES), MG5 1,5L LUX (sx 2023) 1.5L AT, (sản xuất năm 2023) được cấp giấy chứng nhận đăng ký số 490044403, biển số đăng ký 49A-640.84 số khung MMLA36U62PG010419; số máy 15S4C5QTNC140039 giấy đăng ký xe thuộc quyền sở hữu của Lê Thị L, Phan Mai S.

Các tài sản là các diện tích: Diện tích 137,1m^2 đất thuộc thửa đất số 443, tờ bản đồ 94 xã B, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số DN 438371 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L cấp ngày 03/05/2024 cho ông Đỗ Công Ú, đến ngày 28/10/2024 cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà Lê Thị L; Diện tích 137,5m^2 đất thuộc thửa đất số 444, tờ bản đồ 94 xã B, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số DN 438372 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L cấp ngày 03/05/2024 cho ông Đỗ Công Ú, đến ngày 28/10/2024 cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà Lê Thị L; Diện tích 136,9m^2 đất thuộc thửa đất số 445, tờ bản đồ 94 xã B, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số DN 438373 số DN 438373 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L cấp ngày 03/05/2024 cho ông Đỗ Công Ú, đến ngày 28/10/2024 cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà Lê Thị L; Diện tích 184,6m^2 đất thuộc thửa đất số 482, tờ bản đồ 94 xã B, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 414310 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L cấp ngày

03/05/2024 cho ông Đỗ Công Ú, đến ngày 28/10/2024 cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà Lê Thị L; Diện tích 185,2m^2 đất thuộc thửa đất số 483, tờ bản đồ 94 xã B, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 434311 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L cấp ngày 03/05/2024 cho ông Đỗ Công Ú, đến ngày 28/10/2024 cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà Lê Thị L; Diện tích 185,3m^2 đất thuộc thửa đất số 484, tờ bản đồ 94 xã B, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 434312 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L cấp ngày 03/05/2024 cho ông Đỗ Công Ú, đến ngày 28/10/2024 cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà Lê Thị L; Diện tích 184,8m^2 đất thuộc thửa đất số 485, tờ bản đồ 94 xã B, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 434313 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L cấp ngày 03/05/2024 cho ông Đỗ Công Ú, đến ngày 28/10/2024 cập nhật biến động chuyển nhượng cho Lê Thị L; Diện tích 184m^2 đất thuộc thửa đất số 486, tờ bản đồ 94 xã B, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 434314 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L cấp ngày 03/05/2024 cho ông Đỗ Công Ú, đến ngày 28/10/2024 cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà Lê Thị L; Diện tích 563,2m^2 đất thuộc thửa đất số 487, tờ bản đồ 94 xã B, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 434315 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L cấp ngày 03/05/2024 cho ông Đỗ Công Ú, đến ngày 28/10/2024 cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà Lê Thị L, tất cả các tài sản thế chấp đều được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định, để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng**.**

2.2 Về án phí: Vợ chồng ông Phan Mai S, bà Lê Thị L phải nộp 58.188.406đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 57.988.123đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003623 ngày 06/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

2.3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xem, xét thẩm định tại chỗ hết số tiền 8.000.000đồng. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đã tạm nộp nên buộc bị đơn vợ chồng ông Phan Mai S, bà Lê Thị L phải hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền 8.000.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:THẨM PHÁN
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 2- Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- THADS khu vực 2- Lâm Đồng
- Đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Thị Sinh